

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK SONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 27-02-2025.

V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Hà.

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Võ Thị Thanh Huệ và bà Trần Thị Gấm.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Thúy Nga, là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa:* Ông Thái Lê Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 137/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đinh Văn K, sinh năm 1962 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã Năm J, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã Năm J, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đinh Văn K trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Tôi chung sống như vợ chồng với bà Nguyễn Thị B khoảng tháng 3 năm 1987, không đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức đám cưới tại thôn V, xã H, huyện M, Thành phố Hà Nội. Lý do không đăng ký kết hôn là do thời điểm đó việc không đăng ký kết hôn là chuyện bình thường.

Chúng tôi sinh sống tại thôn V, xã H, huyện M, Thành phố Hà Nội đến năm 1998 thì cả gia đình chuyển vào tỉnh Đắc Lắc. Năm 2007 chuyển đến sinh sống tại Thôn N, xã Năm J, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông cho đến nay.

Hiện nay chúng tôi vẫn ở chung nhà, tuy nhiên khác biệt về quan điểm sống, mâu thuẫn về nhiều vấn đề, không còn hợp nhau. Nhận thấy không thể chung sống được với bà B nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và bà B.

Về con chung: Quá trình chung sống tôi và bà Nguyễn Thị B có 03 con chung là Đinh Văn Đ, sinh ngày 30-10-1987; Đinh Văn K1, sinh ngày 15-7-1989 và Đinh Thị G, sinh ngày 22-02-1981. Hiện các con đã lớn, lập gia đình và ở riêng. Các con đã thành niên, có đủ khả năng lao động nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Tôi chung sống như vợ chồng với ông Đinh Văn K khoảng tháng 3 năm 1987, không đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức đám cưới tại thôn V, xã H, huyện M, Thành phố Hà Nội. Lý do không đăng ký kết hôn là do thời điểm đó không hiểu biết pháp luật.

Mấy năm nay ông K thường xuyên vắng nhà, chúng tôi phát sinh mâu thuẫn. Đối với yêu cầu ly hôn của ông K, ban đầu tôi không đồng ý, nhưng nay thấy ông K không thay đổi nên tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống tôi và ông Đinh Văn K có 03 con chung là Đinh Văn Đ, sinh ngày 30-10-1987; Đinh Văn K1, sinh ngày 15-7-1989 và Đinh Thị G, sinh ngày 22-02-1981. Hiện tại các con đã lớn, lập gia đình và ở riêng. Các con đã thành niên, có đủ khả năng lao động nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có trình bày gì thêm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Đinh Văn K và bà Nguyễn Thị B chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 3 năm 1987 nhưng không đăng ký kết hôn, là hôn nhân không hợp pháp theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn K, tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đinh Văn K và bà Nguyễn Thị B.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Đinh Văn K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với bà Nguyễn Thị B và trình bày trong đơn khởi kiện ông bà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1986. Quá trình giải quyết vụ án, ông K và bà B thống nhất xác định thời điểm chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 3 năm 1987 (sau thời gian được công nhận là hôn nhân thực tế, ngày 03-01-1987 theo quy định tại mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000). Bà Nguyễn Thị B có nơi cư trú tại Thôn N, xã Nam J, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án nhân dân huyện Đắk Song có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông Đinh Văn K và bà Nguyễn Thị B thống nhất trình bày chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 3 năm 1987, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Việc ông bà chung sống tháng 3 năm 1987 nhưng không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Các nghi thức kết hôn không tuân theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 đều không có giá trị pháp lý.

Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm, phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn nên ông Đinh Văn K yêu cầu ly hôn và bà Nguyễn Thị B đồng ý.

Căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông K, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông K và bà B.

*Về con chung:* Ông K và bà B có 03 con chung là Đinh Văn Đ, sinh ngày 30-10-1987; Đinh Văn K1, sinh ngày 15-7-1989 và Đinh Thị G, sinh ngày 22-02-1981. Các con chung của ông bà đều đã thành niên, có khả năng lao động và ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chăm sóc, nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Ông Đinh Văn K và bà Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Đinh Văn K chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn K đối với bà Nguyễn Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đinh Văn K và bà Nguyễn Thị B.

2. Về án phí: Ông Đinh Văn K chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0004317 ngày 09-10-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- UBND xã N;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

**Lê Thị Thu Hà**